

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
(BEPHARCO)**

Địa chỉ: Số 6A3, Quốc Lộ 60, Phường Phú Tân, TP Bến Tre,
Tỉnh Bến Tre

Điện thoại: (075) 3817617 - 3829528

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2010**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	201.486.971.112	229.306.387.750
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	2.685.720.378	6.165.040.644
1. Tiền	111	2.685.720.378	6.165.040.644
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	1.286.704.338	1.575.346.357
1. Đầu tư ngắn hạn	121	1.784.220.670	1.804.752.673
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(497.516.332)	(229.406.316)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	84.323.589.153	74.177.616.244
1. Phải thu khách hàng	131	82.121.864.070	68.960.240.169
2. Trả trước cho người bán	132	1.830.553.947	2.559.749.773
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	931.197.387	2.657.626.302
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(560.026.251)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	104.318.819.262	139.971.679.790
1. Hàng tồn kho	141	107.604.015.571	140.482.240.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3.285.196.309)	(510.560.700)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	8.872.137.981	7.416.704.715
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	280.472.533	601.849.019
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.844.869.083	1.352.192.865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.746.796.365	5.462.662.831

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	40.725.760.526	39.485.815.511
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220	36.665.753.853	34.632.766.961
1. TSCĐ hữu hình	221	30.716.544.696	30.169.733.702
- Nguyên giá	222	53.199.729.627	49.373.047.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(22.483.184.931)	(19.203.313.809)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	1.715.195.400	-
- Nguyên giá	225	1.715.195.400	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. TSCĐ vô hình	227	3.706.940.802	3.749.775.070
- Nguyên giá	228	3.909.160.559	3.909.160.559
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(202.219.757)	(159.385.489)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	527.072.955	713.258.189
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	32.172.327	41.220.792
- Nguyên giá	241	125.214.090	125.214.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	(93.041.763)	(83.993.298)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	216.710.000	286.910.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	216.710.000	286.910.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	3.811.124.346	4.524.917.758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3.804.306.165	4.104.962.167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.818.181	419.955.591
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	242.212.731.638	268.792.203.261

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ NGẮN HẠN	300	158.532.314.732	188.643.454.219
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310	154.603.975.093	184.920.671.209
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	106.290.726.090	114.381.454.066
2. Phải trả người bán	312	36.084.145.581	62.566.049.351
3. Người mua trả tiền trước	313	1.180.554.312	1.668.516.624
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.711.344.855	3.791.766.830
5. Phải trả người lao động	315	4.838.400.566	754.424.883
6. Chi phí phải trả	316	1.537.417.300	104.519.664
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	3.009.706.841	1.593.529.030
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	(48.320.452)	60.410.761
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330	3.928.339.639	3.722.783.010
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	155.766.600	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	3.631.629.050	3.519.226.592
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	104.580.352	167.192.781
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	36.363.637	36.363.637
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	73.359.162.760	70.564.155.092
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	73.309.162.760	70.453.744.331
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26.493.488.000	26.493.488.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	(205.440.060)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	269.198.185	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	3.907.323.020	3.907.323.020
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	1.746.914.407	1.746.914.407
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.518.242.922	1.213.457.204
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9.579.436.286	7.092.561.700
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430	50.000.000	110.410.761
1. Nguồn kinh phí	432	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	10.321.254.146	9.645.004.710
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	242.212.731.638	268.792.203.261

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm			
		Quý 3-2010	Quý 3- 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	113.848.319.504	106.439.196.765	329.123.593.977	303.833.671.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	480.805.261	282.769.981	1.026.429.876	1.038.074.837
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	113.367.514.243	106.156.426.784	328.097.164.101	302.795.597.144
4. Giá vốn hàng bán	11	87.049.783.087	81.929.021.475	255.751.287.636	239.835.295.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26.317.731.156	24.227.405.309	72.345.876.465	62.960.301.357
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	442.402.078	1.512.025.797	3.472.807.136	4.873.486.127
7. Chi phí tài chính	22	4.949.891.902	6.516.251.031	14.652.489.333	17.976.621.935
8. Chi phí bán hàng	24	13.825.545.179	14.154.498.747	38.794.138.217	35.774.387.550
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.944.362.940	3.618.048.762	15.806.386.666	10.594.292.995
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.040.333.213	1.450.632.566	6.565.669.385	3.488.485.004
11. Thu nhập khác	31	8.686.540.134	11.665.239.962	15.247.137.628	15.068.769.599
12. Chi phí khác	32	6.987.448.560	9.999.490.221	9.878.065.068	12.502.182.293
13. Lợi nhuận khác	40	1.699.091.574	1.665.749.741	5.369.072.560	2.566.587.306
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên	50	-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	4.739.424.787	3.116.382.307	11.934.741.945	6.055.072.310
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	963.631.336	475.836.917	2.131.825.838	748.951.124
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	-	349.303.340	276.694.883	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	3.775.793.451	2.989.848.731	10.079.610.990	5.306.121.186
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		419.341.882	303.103.839	759.818.058	959.216.777
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		3.356.451.568	1.988.138.211	9.319.792.932	4.346.904.409

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Ngày 01 tháng 11 năm 2010

Giám đốc



NGUYỄN VIỆT SON

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

(0)

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Nam 2010	Nam 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.934.741.945	6.055.072.310
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.366.924.388	3.697.460.394
Các khoản dự phòng	03	3.812.057.970	(947.043.830)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	269.198.185	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.420.224.015)	(139.527.790)
Chi phí lãi vay	06	12.151.167.102	7.437.595.311
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.113.865.575	16.103.556.395
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.030.018.457)	(23.902.822.017)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	34.414.319.535	(28.692.724.584)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.660.491.009)	36.902.406.449
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	510.156.002	(1.879.354.542)
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.151.167.102)	(7.346.996.513)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.196.229.774)	(563.899.185)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(2.739.936.774)	5.079.872.807
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.517.740.161	(10.986.849.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.778.238.157	(15.286.810.606)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.649.222.383)	(3.092.154.660)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.200.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.505.229.538	468.567.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.073.792.845)	(2.623.586.870)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

(0)

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Nam 2010	Nam 2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(205.440.060)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	258.354.386.185	231.309.733.577
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(266.332.711.703)	(214.720.213.423)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.000.000.000)	(3.438.274.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.183.765.578)	13.151.245.284
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.479.320.266)	(4.759.152.192)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.165.040.644	8.543.801.983
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.685.720.378	3.784.649.791

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Ngày 01 tháng 11 năm 2010

Giám đốc



NGUYỄN VIỆT SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại:

- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 075 382 95 28
- Fax: 075 382 74 67

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng).

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.4.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Công ty Cổ Phần Liên Doanh Meyer	Số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	50%	60%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dược Phẩm Bến Tre, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 05 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
+ Tài sản cố định vô hình	45 – 48 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Quyền sử dụng đất	45 – 50 năm
---------------------	-------------

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Theo công văn số 592/CT/TH-DT ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Tổng cục thuế - Cục thuế Tỉnh Bến Tre, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được hưởng các ưu đãi thuế do chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần cụ thể là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm 2005 cho đến hết thời gian miễn giảm.
- Theo Giấy phép đầu tư số 2215/GP ngày 20/08/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Liên doanh Meyer - BPC được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong bốn năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm 2005 cho đến hết thời gian miễn giảm.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	328.197.629	432.342.960
Tiền gửi ngân hàng	2.246.392.749	5.732.697.684
Tiền đang chuyển	111.130.000	-
Tổng cộng	2.685.720.378	6.165.040.644

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	1.784.220.670	1.804.752.673
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	1.784.220.670	1.804.752.673
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(497.516.332)	(229.406.316)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	1.286.704.338	1.575.346.357

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	82.121.864.070	68.960.240.169
Trả trước cho người bán	1.830.553.947	2.559.749.773
Các khoản phải thu khác	931.197.387	2.657.626.302
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	84.883.615.404	74.177.616.244
Dự phòng phải thu khó đòi	(560.026.251)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	84.323.589.153	74.177.616.244

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu thuế thu nhập cá nhân Bepharco	31.899.837	245.529.532
Thuế VAT đầu vào chưa được khấu trừ	422.476.319	1.237.786.851
Thuế VAT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	443.799.237	826.806.830
Bảo hiểm Xã hội		57.079.731
Phải thu khác		34.964.275
Phải thu Thuế Thu nhập cá nhân Meyer	23.021.994	245.459.083
Ứng trước chi phí nhận hàng	10.000.000	10.000.000
Cộng	931.197.387	2.657.626.302

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	217.884.910	1.131.644.424
Nguyên liệu, vật liệu	14.117.472.030	12.518.761.886
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.425.582.439	2.868.389.591
Thành phẩm	5.179.904.531	4.736.886.127
Hàng hóa	84.663.171.661	119.226.558.462
Cộng giá gốc hàng tồn kho	107.604.015.571	140.482.240.490
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.285.196.309)	(510.560.700)
Giá trị thuần có thể thực hiện	104.318.819.262	139.971.679.790

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.299.397.895	419.686.032
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.447.398.470	5.042.976.799
Tổng cộng	6.746.796.365	5.462.662.831

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	25.844.228.548	17.706.449.693	3.741.445.916	2.045.752.821	49.373.047.511
Mua trong kỳ	1.106.036.936	2.049.924.982	0	790.896.254	3.946.858.172
Thanh lý, nhượng bán	(85.005.523)				(85.005.523)
Số dư cuối kỳ	26.950.265.484	19.756.374.675	3.741.445.916	2.836.649.075	53.199.729.627
Số dư đầu năm	6.452.529.459	9.455.873.476	1.753.417.675	1.506.322.700	19.203.313.843
Khấu hao trong kỳ	1.552.883.686	1.219.546.821	270.645.129	311.846.072	3.354.921.708
Thanh lý, nhượng bán	(39.880.053)				(39.880.053)
Số dư cuối kỳ	8.005.413.145	10.675.420.297	2.024.062.804	1.818.168.772	22.483.184.965
Tại ngày đầu năm	19.391.699.089	8.250.576.217	1.988.028.241	539.430.121	30.169.733.668
Tại ngày cuối kỳ	18.944.852.339	9.080.954.378	1.717.383.112	1.018.480.303	30.716.544.662

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
-----------	-------------------	-----------

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.909.160.559	3.909.160.559
Mua trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	3.909.160.559	3.909.160.559
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	159.385.489	159.385.489
Khấu hao trong kỳ	42.834.268	42.834.268
Số dư cuối kỳ	202.219.754	202.219.754
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3.749.775.073	3.749.775.073
Tại ngày cuối kỳ	3.706.940.805	3.706.940.805

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30-9-2010
Cửa hàng BV Tâm thần	84.181.297
Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	285.083.169
Văn phòng chi nhánh Khánh Hoà	4.295.454
Kho số 2 – Khu CN Tân Tạo	16.170.000
Xưởng sản xuất thuốc nước	137.343.035
Tổng cộng	527.072.955

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	125.214.090	125.214.090
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	125.214.090	125.214.090
Hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	83.993.298	83.993.298
Tăng trong kỳ	9.048.465	9.048.465
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	93.041.763	93.041.763
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	41.220.792	41.220.792
Tại ngày cuối kỳ	32.172.327	32.172.327

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	216.710.000	286.910.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	216.710.000	286.910.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	216.710.000	286.910.000

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí thuê đất tại lô số 1A, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân. Thời hạn thuê đất đến ngày 17 tháng 06 năm 2047.	3.578.444.915	3.653.517.191
Chi phí trả trước khác	225.861.250	451.444.976
Tổng cộng	3.804.306.165	4.104.962.167

5.12. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	87.097.306.843	94.881.100.166
Vay đối tượng khác	19.147.361.245	19.316.121.886
Vay dài hạn đến hạn trả	46.058.002	184.232.014
Tổng cộng	106.290.726.090	114.381.454.066

Các khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động được thế chấp bằng Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình và chịu lãi suất 14,9%/năm.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, thời hạn 03 tháng và chịu lãi suất 1,06%/tháng.

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	36.084.145.581	62.566.049.351
Người mua trả tiền trước	1.180.554.312	1.668.516.624
Tổng cộng	37.264.699.893	64.234.565.975

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	145.048.536	1.355.900.282
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	526.185.324	891.527.445
Thuế xuất, nhập khẩu	1	8.046.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	865.422.980	629.578.794

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thuế thu nhập cá nhân	174.688.014	906.714.145
Tổng cộng	1.711.344.855	3.791.766.830
5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	460.865.303	385.834.865
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	741.668.487	85.855.798
Phải trả thuế TNCN thu thừa	513.767.393	
Phải trả tiền chuyển nhượng của NHNN Ba Tri	715.307.600	
Phải trả tiền bán tài sản giữ hộ nhà nước		4.000.000
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	233.000.000	233.000.000
Cổ tức phải trả	198.665.350	190.548.350
Nhận tiền thế chân binh nước tinh khiết	80.900.000	77.696.000
Thuế thu nhập cá nhân thu hộ	70.007.418	85.947.459
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(4.474.710)	530.646.558
Tổng cộng	3.009.706.841	1.593.529.030
5.16. Vay và nợ dài hạn		
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.455.724.058	3.125.474.058
Vay Sở Y tế tỉnh Bến Tre	43.325.176	43.325.176
Vay dài hạn (Meyer vay)	1.132.579.816	350.427.358
Tổng cộng	3.631.629.050	3.519.226.592
5.17. Doanh thu chưa thực hiện		
	Cuối kỳ	Đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện của hợp đồng cho thuê căn nhà bảo vệ số 6A3 Quốc lộ 60 P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre	36.363.637	36.363.637
Tổng cộng	36.363.637	36.363.637
5.18. Vốn chủ sở hữu		
5.18.1. Cổ phần		
	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	3.000.000	3.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Số lượng cổ phần đang lưu hành
+ Cổ phần phổ thông 3.000.000 3.000.000
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.18.2. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Quý 3-2010	Quý 3-2009
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	3.356.451.568	1.988.138.211
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	3.000.000	3.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.119	663

5.19. Nguồn kinh phí

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguồn kinh phí đầu năm	50.000.000	50.000.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	50.000.000	50.000.000

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3-2010	Quý 3-2009
Doanh thu bán hàng	113.848.319.504	106.439.196.765
Hàng bán bị trả lại	480.805.261	282.769.981
Doanh thu thuần	113.367.514.243	106.156.426.784

6.2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3-2010	Quý 3-2009
Tổng cộng	87.049.783.087	81.929.021.475

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3-2010	Quý 3-2009
Tổng cộng	442.402.078	1.512.025.797

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 3-2010	Quý 3-2009
Tổng cộng	4.949.891.902	6.516.251.031

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Mối quan hệ

1. Công ty Liên Doanh Meyer - BPC

Công ty con

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2010 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Bến Tre, ngày 01 tháng 11 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG



NGUYỄN VIỆT SƠN